

Bản án số: 71/2021/DS-PT

Ngày 26/11/2021

*Về việc “Tranh chấp tiền bồi thường,
hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chìu

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng

Bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thiện Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đăng - kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/9/2021, ngày 27/9/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1970; trú tại: K 5, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn L: Ông Nguyễn Tấn T. Có mặt.

2/ Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1974, bà Trần Thị D, sinh năm 1977; trú tại: K 5, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn B: Bà Trần Thị D. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Ngọc Q và luật sư Trần Thị Như T- Văn phòng luật sư Dân Phúc- Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Luật sư Trần Ngọc Q, có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số 73, đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trọng Hoà A- Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Phan Nữ Tú T, nhân viên Trung tâm phát triển Quỹ đất. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 05/QĐKNPT-VKS-P9 kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, cùng các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông Nguyễn Tấn L chủ hộ có nhận đảm ruộng với diện tích là 913,2m² theo Nghị định 64/CP, Nhà nước cấp cho hộ gia đình để canh tác, loại đất trồng lúa. Năm 2009, ông Nguyễn Tấn L viết giấy giao lại cho con là vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D; vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức L để canh tác làm ăn trên đảm ruộng đó, còn về mọi nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước đều do ông Nguyễn Tấn L nộp thuế.

Đến năm 2019, thực hiện dự án: Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị nam thành phố T, đường Nguyễn Văn Linh, Nhà nước thu hồi diện tích đất 913,2m² và bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L với tổng số tiền 338.620.000 đồng, gồm những người có trong sổ hộ khẩu: Nguyễn Tấn L (sinh năm 1930): Cha; Nguyễn Thị H (sinh năm 1935): Mẹ; Nguyễn Tấn T (sinh năm 1968): Con trai; Nguyễn Tấn L (sinh năm 1970): Con trai. Khi Nhà nước thông báo cho ông Nguyễn Tấn L chủ hộ để nhận tiền bồi thường thì Trần Thị D và Nguyễn Đức L chở ông Nguyễn Tấn L đi nhận tiền nhưng lúc đó ông L đã 90 tuổi không còn minh mẫn. Còn nguyên đơn là người được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm thì không được cơ quan nào thông báo nên nguyên đơn không biết. Sau khi nhận tiền, bà D và ông L tự ý chia cho vợ chồng Nguyễn Tấn B, Trần Thị D số tiền 167.000.000 đồng; vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức L số tiền 167.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tấn L qua đời khoảng một tuần lễ sau khi nhận tiền. Sau đó, nguyên đơn có báo đến phường hoà giải nhưng vợ chồng ông B, bà D không trả lại số tiền đã nhận, còn vợ chồng ông L, bà H trả lại số tiền đã nhận nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D phải trả số tiền 137.310.000 đồng mà Nhà nước hỗ trợ tiền đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất cho hộ gia đình ông L.

- *Đại diện bị đơn, bà Dung trình bày:* Số tiền này do ông Nguyễn Tấn L chủ hộ trực tiếp nhận bồi thường, hỗ trợ tại UBND Phường P. Còn bà D, ông L là người trực tiếp chở ông L lên phường nhận tiền, lúc đó cũng có mặt ông T và ông L. Sau đó, về nhà ông L cho bà D và ông L, khi đó không có ai khác chứng kiến. Số tiền ông L cho vợ chồng bà D 167.000.000 đồng. cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H số tiền 167.000.000 đồng. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

- *Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Phú Yên, chị Nguyễn Phan Nữ Tú T trình bày:* Thực hiện Dự án Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị nam thành phố T đường Nguyễn Văn Linh, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND phường P tiến hành thực hiện quy trình kiểm kê,

xác định nhân khẩu tại thời điểm thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án. Hộ ông Nguyễn Tấn L tại thời điểm thu hồi đất, có 04 nhân khẩu, gồm: Ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn T. Ngày 14/7/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất lập Bảng tính chi tiết số tiền được bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Tấn L, số tiền được bồi thường, hỗ trợ tổng là 338.620.000 đồng. Sau đó, Trung tâm phát triển quỹ đất sắp xếp lịch, phối hợp với UBND phường P để mời các hộ dân đến chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Khi các hộ dân lên thì chi trả, ông Nguyễn Tấn L lên nhận có ký nhận, điền chỉ phiếu chi, phiếu nhận tiền ngày 29/11/2019. Quy trình thực hiện Dự án, kiểm kê, thu hồi, xác định đối tượng bồi thường, hỗ trợ đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 101; Điều 158; Điều 163; khoản 2 Điều 165; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 7 Luật đất đai năm 2013; Điều 26; 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận một phần yêu cầu của các đồng nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn L mỗi người 14.738.000 đồng, tiền hỗ trợ của Nhà nước khi thu hồi đất, theo Bảng tính chi tiết ngày 14/7/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày 08/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, đòi với phần yêu cầu vượt quá số tiền Nhà nước đã hỗ trợ cho các đồng nguyên đơn, cụ thể: 137.310.000 đồng – (14.738.000 đồng x 2 người) = 107.834.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/3/2021, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 31/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐKNPT-VKS-P9 với nội dung: Kháng nghị Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo thủ tục phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Tấn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D giữ nguyên trình bày và kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên giữ nguyên Quyết định kháng nghị.
Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác giữ nguyên trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật trong vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Tấn L khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D phải trả số tiền 137.310.000. Thực chất đây là số tiền mà giữa nguyên đơn với bị đơn phát sinh tranh chấp về khoản tiền bồi thường, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị nam thành phố T, đường Nguyễn Văn Linh. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật về việc “Đòi lại tài sản” là có sự sai lầm nghiêm trọng trong tố tụng nên dẫn đến việc áp dụng không đúng pháp luật để giải quyết vụ án. Do đó, cần phải xác định lại cho đúng quan hệ pháp luật trong vụ án: “Tranh chấp tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D “Không chấp nhận hoàn trả cho cho ông Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn L mỗi người 14.738.000 đồng, tiền hỗ trợ của Nhà nước khi thu hồi đất, theo Bảng tính chi tiết ngày 14/7/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Phú Yên” và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, Nhà nước giao diện tích đất sản xuất 2.536m² cho hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L có 07 nhân khẩu, gồm: Nguyễn Tấn L chủ hộ, vợ Nguyễn Thị H, các con Nguyễn Tấn L, sinh năm 1970, Nguyễn Tấn B, sinh năm 1974, Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, Nguyễn Thị Hi sinh năm 1977, Nguyễn Tấn P, sinh năm 1983; trong đó có thửa số 15 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại k 5, phường P, thành phố T, diện tích 946m², đo đạc thực tế 913,2m², diện tích hiện trạng giảm so với diện tích đất được giao theo Nghị định 64/CP là 32,8 m² (946m² - 913,2m² = 32,8 m²). Nguyên nhân: Do sai sót đo đạc trước đây, toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định không có thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề.

[3] Thực hiện Dự án Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị nam thành phố T đường Nguyễn Văn Linh, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND phường P tiến hành thực hiện quy trình kiểm kê, xác định nhân khẩu tại

thời điểm thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án. Hộ ông Nguyễn Tấn L tại thời điểm thu hồi đất, có 04 nhân khẩu, gồm: Ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn T. Ngày 14/7/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất lập Bảng tính chi tiết số tiền được bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Tấn L, số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 338.620.000 đồng, gồm: Bồi thường diện tích đất 02 lúa: $913,2 \text{ m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 63.924.000 \text{ đồng}$; Hỗ trợ ổn định đời sống 9.000.000 đồng/ 04 người (2.250.000 đồng/người); Hỗ trợ tiền đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (02 khoản): Khoản $913,2 \text{ m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 \times 4 \text{ lần} = 255.696.000 \text{ đồng}$ (= 63.924.000 đồng/người); Khoản 5.000.000 đồng x 2 người còn trong tuổi lao động = 10.000.000 đồng.

[4] Năm 2019, Nhà nước tiến hành các thủ tục thu hồi đất, lập phương án đền bù để thực hiện dự án Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị nam thành phố T đường Nguyễn Văn Linh, Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên phối hợp với UBND phường P tiến hành thực hiện quy trình kiểm kê, trong Biên bản kiểm kê ngày 03/4/2019 thể hiện tại Mục I nhân khẩu trong hộ gồm 04 người: Nguyễn Tấn L (chủ hộ), Nguyễn Thị H (vợ), Nguyễn Tấn T (con), Nguyễn Tấn L (con); tại Mục V chú thích Nguyễn Tấn B và Nguyễn Thị Hà đang canh tác đối với diện tích $913,2 \text{ m}^2$ đã bị thu hồi.

[5] Biên bản xác minh ngày 21/01/2021 tại UBND phường P có nội dung: “Vào thời điểm lập phương án đền bù, hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L chỉ còn có 04 nhân khẩu trong sổ hộ khẩu đó là Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn L. Các người còn lại đã cắt khẩu”.

Theo quy định tại khoản 30 Điều 3, Điều 74, Điều 83, Điều 84 Luật đất đai năm 2013; điểm b, c khoản 1 Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; khoản 1 Điều 10 khoản 1 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 thì đối tượng nhận được các khoản tiền bồi thường và hỗ trợ khi bị thu hồi đất phải là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất trên đất.

[6] Như vậy tại thời điểm thực hiện việc thu hồi đất, đền bù, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L có 07 nhân khẩu, gồm: Nguyễn Tấn L chủ hộ, vợ Nguyễn Thị H, các con Nguyễn Tấn L, sinh năm 1970, Nguyễn Tấn B, sinh năm 1974, Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, Nguyễn Thị Hi sinh năm 1977, Nguyễn Tấn P, sinh năm 1983 là những thành viên trong hộ gia đình và cũng chính là những cá nhân người đang trực tiếp sản xuất và có thu nhập ổn định từ thửa ruộng trên, nhưng cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người trong hộ gia đình đề tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu sót, có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Khoản 30 Điều 3 Luật đất đai quy định: “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó”.

Khoản 1 Điều 84 Luật đất đai quy định: “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm...”.

[7] Ủy ban nhân dân thành phố Tuy H căn cứ vào kết quả kiểm kê, xác định nhân khẩu của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Phú Yên với UBND phường P thực hiện để ban hành Quyết định số 5395/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 5524/QĐ-UBND ngày 04/11/2019, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn L bị ảnh hưởng dự án Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị nam thành phố T, đường Nguyễn Văn Linh (đợt 1), không gồm tất cả những người trong hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất và có thu nhập ổn định trên đất bị thu hồi nên dẫn đến phát sinh tranh chấp.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không đúng; xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ, nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Biên bản kiểm kê ngày 03/4/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên thể hiện tại Mục I nhân khẩu trong hộ gồm 04 người: Nguyễn Tấn L (chủ hộ), Nguyễn Thị H (vợ), Nguyễn Tấn T (con), Nguyễn Tấn L (con); nhưng không chú ý tại Mục V chú thích Nguyễn Tấn B và Nguyễn Thị H đang canh tác đối với diện tích 913,2m² đã bị thu hồi để chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn, không phát hiện việc UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5395/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 và Quyết định số 5524/QĐ-UBND ngày 04/11/2019, hỗ trợ không đúng đối tượng dẫn đến tranh chấp để đưa UBND thành phố T và vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự nhằm giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện là có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[9] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, áp dụng không đúng pháp luật để giải quyết vụ án. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để thụ lý giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do án bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự :
Tuyên xử:

1. Hủy án bản án sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giữa nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Tấn L với bị đơn vợ chồng Nguyễn Tấn B, Trần Thị D. Giao hồ sơ

về Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm được giải quyết lại khi cấp sơ thẩm quyết định. Về án phí phúc thẩm: Do án bị hủy nên người kháng cáo vợ chồng ông Nguyễn Tấn B, bà Trần Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông B, bà D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm thể hiện tại biên lai số 0007145 ngày 29/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP Tuy Hòa(2);
- CCTHADSTP Tuy Hòa;
- P.GĐKT;
- P.TCCB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Chiu